

39. Xã An Phú

Đvt: Nghìn đồng/m²

STT	Tuyến đường/Đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
I	Khu vực 1:				
1	Đất mặt tiền đường Trần Anh Tông	1	9.500	3.800	2.850
2	Đất mặt tiền đường Trường Sa đoạn giáp phường Cẩm Thành đến hết thôn 6 xã An Phú	1	9.500	3.800	2.850
3	Đất mặt tiền đường Hồ Quý Ly	1	9.500	3.800	2.850
4	Đất mặt tiền đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh thuộc thôn Cổ Lũy Bắc	2	7.100	2.840	2.130
5	Đất mặt tiền các tuyến đường có mặt cắt rộng 27m và 20,5m thuộc Khu dân cư Nghĩa Dũng (phía đông Tỉnh lộ 623C)	2	7.100	2.840	2.130
6	Đường có mặt cắt từ 12m đến 17,5m thuộc Khu đô thị mới Phú Mỹ	2	7.100	2.840	2.130
7	Đất mặt tiền đường Trường Sa đoạn còn lại	2	7.100	2.840	2.130
8	Đất mặt tiền đường Bờ sông đoạn từ cầu An Phú đến hết quán Thiên Thời thôn Cổ Lũy Làng Cá	2	7.100	2.840	2.130
9	Đất mặt tiền đường dẫn Cầu Cổ Lũy có lộ giới rộng 40m (tiếp giáp về phía đông Khu tái định cư Vĩnh Thọ)	2	7.100	2.840	2.130
10	Đất mặt tiền các tuyến đường có mặt cắt rộng 17m và 13,5m thuộc Khu dân cư Nghĩa Dũng (phía đông Tỉnh lộ 623C)	3	5.500	2.200	1.650
11	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m đến 5m nối và cách đường Trần Anh Tông và Hồ Quý Ly dưới 100m	3	5.500	2.200	1.650
12	Đất mặt tiền đường đoạn giáp đường Hồ Quý Ly đến cầu Sắt	3	5.500	2.200	1.650
13	Đất mặt tiền đường Nguyễn Văn đoạn từ Trường THCS Nghĩa Phú đến cầu An Phú	3	5.500	2.200	1.650
14	Đất mặt tiền đường Nghĩa An	4	4.700	1.880	1.410
15	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m đến 5m nối và cách đường Trần Anh Tông và Hồ Quý Ly từ 100m đến 150m	4	4.700	1.880	1.410
16	Đất mặt tiền đường có lộ giới rộng 12m thuộc Khu tái định cư Vĩnh thọ	4	4.700	1.880	1.410
17	Đất mặt tiền đường có mặt cắt 21m thuộc Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu 2)	4	4.700	1.880	1.410
18	Đất mặt tiền đường đoạn từ cầu Bàu Rán đến giáp ngã 4 Quán Láng	5	4.000	1.600	1.200
19	Đất mặt tiền đường Võ Xuân Hào đoạn từ đường Trường Sa đến giáp KDC Nghĩa Phú giai đoạn 1	5	4.000	1.600	1.200
20	Đất mặt tiền các tuyến đường có mặt cắt rộng 14,5m thuộc Khu dân cư Nghĩa Phú	5	4.000	1.600	1.200
21	Đất mặt tiền đường có mặt cắt từ 15,5m đến 17,5m thuộc Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu 2)	5	4.000	1.600	1.200
22	Đất mặt tiền đường có mặt cắt từ 12,5m đến 17,5m thuộc Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu 1)	5	4.000	1.600	1.200
23	Đất mặt tiền các đường còn lại của khu dân cư Cổ Lũy - Làng cá	6	3.500	1.400	1.050

STT	Tuyến đường/Đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
24	Đất mặt tiền các tuyến đường có mặt cắt rộng từ trên 11,5m đến dưới 14,5m thuộc Khu dân cư Nghĩa Phú	6	3.500	1.400	1.050
II	Khu vực 2:				
1	Đất mặt tiền đường liên thôn rộng từ 3m đến 5m (thuộc thôn 1 đến thôn 10)	1	3.100	1.240	930
2	Đất mặt tiền đường nội bộ Khu dân cư Trường Thành	1	3.100	1.240	930
3	Đất mặt tiền đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh thuộc thôn Khánh Lạc, thôn Hiền Lương	2	3.000	1.200	900
4	Đất mặt tiền đường liên thôn rộng từ 2m đến dưới 3m và đất mặt tiền đường không liên thôn rộng từ 2m đến 5m (thuộc thôn 1 đến thôn 10)	2	3.000	1.200	900
5	Đất mặt tiền các tuyến đường có mặt cắt từ 11,5m trở xuống thuộc Khu dân cư Nghĩa Phú	3	2.800	1.120	840
6	Đất mặt tiền đường Nguyễn Tăng Long	3	2.800	1.120	840
7	Đất mặt tiền đường Nguyễn Vỹ đoạn từ ngã 3 phú thọ (Quán ăn bà Tề) để giáp đường THCS Nghĩa Phú	3	2.800	1.120	840
8	Đất mặt tiền đường Tỉnh lộ 623C đoạn từ thôn 6 đến hết thôn Sung Túc	5	1.900	760	570
9	Đất mặt tiền đường đoạn từ ngã 4 Quán Láng đến giáp ngã 4 (Trường tiểu học Tây Hà)	5	1.900	760	570
10	Đất mặt tiền đường bê tông xi măng rộng từ 3m trở lên nối và cách đường Trường Sa không quá 100m	5	1.900	760	570
11	Đất mặt tiền đường nội bộ Khu tái định cư Đồng Tam Bảo	5	1.900	760	570
III	Khu vực 3:				
1	Đường đê kè Hòa Hà	1	1.600	640	480
2	Đất mặt tiền đường bê tông xi măng rộng từ 5m trở lên trên địa bàn xã	1	1.600	640	480
3	Đất ở các vị trí khác còn lại (thuộc thôn 1 đến thôn 10)	1	1.600	640	480
4	Đất mặt tiền đường đoạn từ Trường tiểu học Tây Hà đến ngã ba Phú Thọ (Quán ăn Bà Tề)	1	1.600	640	480
5	Đất mặt tiền đường bê tông xi măng rộng từ 3m trở lên nối và cách đường Trường Sa trên 100m	1	1.600	640	480
6	Đất mặt tiền đường bê tông xi măng rộng từ 3,5m đến 5m	2	1.300	520	390
7	Đất mặt tiền đường bê tông xi măng rộng từ 2,5m đến 3,5m	3	1.100	440	330
8	Đất mặt tiền đường đất rộng từ 3m đến dưới 5m	4	800	320	240
9	Các vị trí đất khác còn lại	5	700	280	210
IV	Khu vực 4: Không có				
V	Khu vực 5: Không có				
VI	Khu vực 6: Không có				